

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-8-2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung;

2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2021 và Thông báo về việc mở phiên tòa sơ thẩm, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thụy Anh Th

Địa chỉ: Số X đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Trương Văn T

HKTT: Tổ dân phố Y, phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Hiện đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột.

(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - Bà Đoàn Thụy Anh Th trình bày:*

Tôi và ông Trương Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/5/2017 tại UBND phường H, thành phố B theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng, thời gian đầu hạnh phúc; sau đó giữa tôi và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống; Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2019 đến nay ông Trương Văn T bị đi chấp hành án tại Nhà tạm giữ công an thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì vậy tôi Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn - Ông Trương Văn T tại đơn trình bày và xin vắng mặt có ý kiến như sau:*

Tôi (Trương Văn T) và cô Đoàn Thụy Anh Th tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/5/2017 tại UBND phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng, thời gian đầu hạnh phúc; sau đó giữa tôi và cô Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống; Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2019 đến nay tôi bị đi chấp hành án nhưng cô Th cũng không thăm hỏi hay quan tâm gì đến tôi.

Nay vợ tôi là cô Đoàn Thụy Anh Th tự làm đơn gửi Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn thì tôi cũng đồng ý; Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về ly hôn: Bà Đoàn Thụy Anh Th được ly hôn ông Trương Văn T;

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn - Bà Đoàn Thụy Anh Th là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đoàn Thụy Anh Th và bị đơn Ông Trương Văn T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Đoàn Thụy Anh Th và ông Trương Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/5/2017 tại UBND phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định của pháp luật. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng, thời gian đầu hạnh phúc; sau đó giữa bà Th và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống; Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2019 đến nay ông Trương Văn T bị đi chấp hành án tại Nhà tạm giữ công an thành phố Buôn Ma Thuột.

Quá trình giải quyết vụ án bà Th và ông T đều xác định, mong muốn chấm dứt hôn nhân.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đoàn Thụy Anh Th và ông Trương Văn T đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giữa bà Đoàn Thụy Anh Th và ông Trương Văn T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[4] *Về án phí:* Bà Đoàn Thụy Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- *Áp dụng:* Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà Đoàn Thụy Anh Th về ly hôn;

1. Về hôn nhân: Bà Đoàn Thụy Anh Th được ly hôn ông Trương Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Đoàn Thụy Anh Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0013995 ngày 15 tháng 3 năm 2021 do bà Nguyễn Thị Huệ nộp thay.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức